TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa Tiếng Đức
---------oOo---------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------oOo----------

DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Thực hành tiếng A1 (61GER1A1) **Số tín chỉ: 8**

Ngày thi kết thúc học phần: 12h20, thứ 2, ngày 26/12/2022 **Phòng thi: 614C**

CBCT:

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		Ngh,Đ,V 7h20 26.12.22	Điểm Ngh,Đ,V 60%	Sinh viên ký tên	Ghi chú
1	1A1-22_01	2207050001	Đào Thùy	**Anh**				
2	1A1-22_02	2207050003	Hoàng	**Anh**				
3	1A1-22_03	2207050008	Nguyễn Thị Mai	**Anh**				
4	1A1-22_04	2207050013	Nguyễn Thị Minh	**Châu**				
5		2207050019	Nguyễn Viết Đình	**Duy**	MT	MT	MT	Miễn thi vượt học phần
6	1A1-22_05	2207050020	Nguyễn Thùy	**Dương**				
7	1A1-22_06	2207050026	Vũ Minh	**Đức**				
8	1A1-22_07	2207050028	Trịnh Thị Châu	**Giang**				
9	1A1-22_08	2207050032	Trần Ngọc	**Hà**				
10	1A1-22_09	2207050036	Lê Thị Thanh	**Hằng**				
11	1A1-22_10	2207050040	Đinh Nguyễn Thúy	**Hiền**				
12	1A1-22_11	2207050044	Nguyễn Kim	**Huệ**				
13	1A1-22_12	2207050049	Nguyễn Thị Khánh	**Huyền**				
14	1A1-22_13	2207050054	Đỗ Mai	**Lam**				
15	1A1-22_14	2207050064	Nguyễn Thùy	**Linh**				
16	1A1-22_15	2207050058	Nguyễn Huyền	**Linh**				
17	1A1-22_16	2207050070	Nguyễn Thị Bích	**Loan**				
18	1A1-22_17	2207050074	Nguyễn Thị Quỳnh	**Mai**				
19	1A1-22_18	2207050079	Nghiêm Quỳnh	**Nga**				
20	1A1-22_19	2207050084	Dương Hồng	**Ngọc**				
21	1A1-22_20	2207050089	Nghiêm Thị	**Nhung**				
22	1A1-22_21	2207050090	Nguyễn Duy	**Phong**				
23	1A1-22_22	2207050096	Nguyễn Thị Xuân	**Phương**				
24	1A1-22_23	2207050105	Trần Phương	**Thảo**				
25	1A1-22_24	2207050110	Vũ Thị Thu	**Thủy**				
26	1A1-22_25	2207050114	Nguyễn Phí Anh	**Thư**				
27	1A1-22_26	2207050118	Nguyễn Quỳnh	**Trang**				
28	1A1-22_27	2207050101	Nguyễn Thị Hương	**Tú**				
29	1A1-22_28	2207050122	Nguyễn Thị Tố	**Uyên**				
30	1A1-22_29	2207050124	Trần Anh	**Vũ**				
31	1A1-22_30	2207050002	Đoàn Ngọc	**Anh**				
32	1A1-22_31	2207050009	Nguyễn Thị Mỹ	**Anh**				
33	1A1-22_32	2207050012	Lê Xuân	**Bắc**				
34	1A1-22_33	2207050014	Nguyễn Lan	**Chi**				
35	1A1-22_34	2207050021	Phạm Thùy	**Dương**				
36	1A1-22_35	2207050023	Đặng Tiến	**Đạt**				
37	1A1-22_36	2207050029	Cao Ngọc	**Hà**				
38	1A1-22_37	2207050033	Vũ Nguyệt	**Hà**				
39	1A1-22_38	2207050037	Phạm Bảo Thanh	**Hằng**				
40	1A1-22_39	2207050041	Hoàng Thu	**Hiền**				

Danh sách thi: 40 Không đủ đk: 0 MT: 01 HT: 0 Đủ đk: 39 Dự thi: Bỏ Thi: Tổng số bài thi:

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên: CBCT 1: **CBCT 2:**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa Tiếng Đức
---------oOo---------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------oOo----------

DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Thực hành tiếng A1 (61GER1A1) **Số tín chỉ: 8**

Ngày thi kết thúc học phần: 12h20, thứ 2, ngày 26/12/2022 **Phòng thi: 714C**

CBCT:

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		Ngh,Đ,V 7h20 26.12.22	Điểm Ngh,Đ,V 60%	Sinh viên ký tên	Ghi chú
1	1A1-22_40	2207050046	Đỗ Khánh	**Huyền**				
2	1A1-22_41	2207050050	Trương Quang	**Hưng**				
3	1A1-22_42	2207050051	Vũ Thị	**Hương**				
4	1A1-22_43	2207050055	Đỗ Bích	**Linh**				
5	1A1-22_44	2207050059	Nguyễn Khánh	**Linh**				
6	1A1-22_45	2207050067	Tào Mai	**Linh**				
7	1A1-22_46	2207050071	Nguyễn Thị Hương	**Ly**				
8	1A1-22_47	2207050075	Lê Vũ Ngọc	**Minh**				
9	1A1-22_48	2207050080	Nguyễn Linh	**Nga**				
10	1A1-22_49	2207050085	Ngô Minh	**Nguyệt**				
11	1A1-22_50	2207050091	Nguyễn Khả	**Phúc**				
12	1A1-22_51	2207050093	Nguyễn Hà	**Phương**				
13	1A1-22_52	2207050097	Nguyễn Thu	**Phương**				
14	1A1-22_53	2207050102	Phạm Phương	**Thanh**				
15	1A1-22_54	2207050106	Nghiêm Anh	**Thơ**				
16	1A1-22_55	2207050111	Bùi Thị Phương	**Thư**				
17	1A1-22_56	2207050115	Nguyễn Thanh	**Trà**				
18	1A1-22_57	2207050119	Nguyễn Thị Thu	**Trang**				
19	1A1-22_58	2207050123	Nguyễn Thu Thảo	**Vi**				
20	1A1-22_59	2207050127	Phạm Thị	**Xoan**				
21	1A1-22_60	2207050004	Lồng Tú	**Anh**				
22	1A1-22_61	2207050010	Trần Vũ Phương	**Anh**				
23	1A1-22_62	2207050015	Vũ Quang	**Chiến**				
24	1A1-22_63	2207050016	Tô Tuyết	**Chinh**				
25	1A1-22_64	2207050022	Phạm Thùy	**Dương**				
26	1A1-22_65	2207050024	Nguyễn Anh	**Đức**				
27	1A1-22_66	2207050030	Nguyễn Thị Ngân	**Hà**				
28	1A1-22_67	2207050034	Nguyễn Thị Mỹ	**Hạnh**				
29	1A1-22_68	2207050038	Trần Thanh	**Hằng**				
30	1A1-22_69	2207050042	Nguyễn Quỳnh	**Hoa**				
31	1A1-22_70	2207050047	Nguyễn Minh	**Huyền**				
32	1A1-22_71	2207050052	Nguyễn Bích	**Hường**				
33	1A1-22_72	2207050056	Hồ Quỳnh	**Linh**				
34	1A1-22_73	2207050060	Nguyễn Lê Trà	**Linh**				
35	1A1-22_74	2207050061	Nguyễn Ngọc	**Linh**				
36	1A1-22_75	2207050068	Trần Thị	**Linh**				
37		2207050072	Lê Thị Ngọc	**Mai**	MT	MT	MT	Miễn thi vượt học phần
38	1A1-22_76	2207050077	Nguyễn Hà	**My**				
39	1A1-22_77	2207050081	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**				
40	1A1-22_78	2207050083	Nguyễn Công	**Nghiệp**				

Danh sách thi: 40 Không đủ đk: 0 MT: 01 HT: 0 Đủ đk: 39 Dự thi: Bỏ Thi: Tổng số bài thi:

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên: CBCT 1: **CBCT 2:**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa Tiếng Đức
---------oOo---------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------oOo----------

DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Thực hành tiếng A1 (61GER1A1) **Số tín chỉ: 8**

Ngày thi kết thúc học phần: 12h20, thứ 2, ngày 26/12/2022 **Phòng thi: 805C**

CBCT:

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		Ngh,Đ,V 7h20 26.12.22	Điểm Ngh,Đ,V 60%	Sinh viên ký tên	Ghi chú
1	1A1-22_79	2207050087	Bùi Nguyệt	**Nhi**				
2	1A1-22_80	2207050092	Nguyễn Tiến	**Phúc**				
3	1A1-22_81	2207050094	Nguyễn Thị Hà	**Phương**				
4	1A1-22_82	2207050098	Phạm Thị Lan	**Phương**				
5	1A1-22_83	2207050103	Nguyễn Thạch	**Thảo**				
6	1A1-22_84	2207050107	Trịnh Hoài	**Thu**				
7	1A1-22_85	2207050112	Dương Anh	**Thư**				
8	1A1-22_86	2207050116	Nguyễn Huyền	**Trang**				
9	1A1-22_87	2207050120	Phạm Thu	**Trang**				
10	1A1-22_88	2207050125	Lữ Hà	**Vy**				
11	1A1-22_89	2207050005	Lương Quỳnh	**Anh**				
12	1A1-22_90	2207050011	Lưu Thị Ngọc	**Ánh**				
13	1A1-22_91	2207050017	Trần Văn	**Diện**				
14	1A1-22_92	2207050018	Lê Thị Thùy	**Dung**				
15	1A1-22_93	2207050025	Nguyễn Hiền	**Đức**				
16	1A1-22_94	2207050027	Nguyễn Thị Huyền	**Giang**				
17	1A1-22_95	2207050031	Phan Thị Thu	**Hà**				
18	1A1-22_96	2207050035	Dương Thị Lệ	**Hằng**				
19	1A1-22_97	2207050039	Nguyễn Hiền	**Hậu**				
20	1A1-22_98	2207050043	Lê Bích	**Hồng**				
21	1A1-22_99	2207050048	Nguyễn Phương	**Huyền**				
22	1A1-22_100	2207050053	Đỗ Thị Minh	**Khánh**				
23	1A1-22_101	2207050057	Lê Bùi Mai	**Linh**				
24	1A1-22_102	2207050062	Nguyễn Phi Yến	**Linh**				
25	1A1-22_103	2207050069	Vũ Phương	**Linh**				
26	1A1-22_104	2207050073	Nguyễn Thị	**Mai**				
27	1A1-22_105	2207050078	Nguyễn Trà	**My**				
28	1A1-22_106	2207050082	Vũ Thị Kim	**Ngân**				
29	1A1-22_107	2207050086	Nguyễn Quang	**Nhất**				
30	1A1-22_108	2207050088	Ngụy Ngọc	**Nhi**				
31	1A1-22_109	2207050095	Nguyễn Thị Thu	**Phương**				
32	1A1-22_110	2207050099	Dương Minh	**Quyền**				
33	1A1-22_111	2207050100	Đỗ Thị Diễm	**Quỳnh**				
34	1A1-22_112	2207050104	Trần Hương	**Thảo**				
35	1A1-22_113	2207050109	Nghiêm Thu	**Thủy**				
36	1A1-22_114	2207050113	Ngô Hoàng Anh	**Thư**				
37		2207050117	Nguyễn Lê Huyền	**Trang**	CT	CT	CT	CT- nghỉ 43b
38	1A1-22_115	2207050121	Trần Thị Thu	**Trang**				
39	1A1-22_116	2207050126	Nguyễn Phạm Hà	**Vy**				
40	1A1-22_117	2207050129	Vũ Thị Hương	**Giang**				

Danh sách thi: 40 Không đủ đk: 01 MT: 0 HT: 0 Đủ đk: 39 Dự thi: Bỏ Thi: Tổng số bài thi:

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên: CBCT 1: **CBCT 2:**